

KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN ĐẦU VÀO NĂM 2022

1.1 ĐẶC TÍNH CỦA MẪU NGHIÊN CỨU (n=1285)

Đặc tính	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Giới		
Nữ	727	56,6
Nam	558	43,4
Hộ khẩu		
Thành phố HCM	692	53,9
Tỉnh	593	46,1
Lớp*		
Điều dưỡng 2022	178	13,9
YK 2022 A	171	13,3
YK 2022 B	170	13,2
YK 2022 C	169	13,2
YK 2022 D	171	13,3
RHM 2022	85	6,6
KTXNYH 2022	49	3,8
KTHAYH 2022	48	3,7
KXNK 2022	39	3,0
YTCC 2022	33	2,6
KTPHCN 2022	24	1,9
Ngành		
YK	681	53,0
Điều dưỡng	178	13,9
Dinh dưỡng	61	4,7
Dược học	87	6,8
RHM	85	6,6
KTXNYH	49	3,8
KTHAYH	48	3,7
KXNK	39	3,0
YTCC	33	2,6
KTPHCN	24	1,9
Dân tộc		
Kinh	1176	91,5
Hoa	64	5,0

Đặc tính	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Kho-me	10	0,8
Chăm	6	0,5
Mường	3	0,2
Nùng	2	0,2
Tày	2	0,2
Lào	1	0,1
Ê-đê	1	0,1
M'ông	1	0,1
Gié-Triêng	1	0,1
Khác	18	1,4
Nghề nghiệp cha		
CNVC	170	13,2
Buôn bán	169	13,2
Công nhân	150	11,7
Nông dân	106	8,2
Giáo viên	56	4,4
Bác sĩ	49	3,8
Tài xế	43	3,3
Kĩ sư	38	3,0
Bộ đội	14	1,1
Hưu trí	12	0,9
Khác	478	37,2
Nghề nghiệp mẹ		
Nội trợ	209	16,3
Buôn bán	169	13,2
Giáo viên	119	9,3
CNVC	63	4,9
Nông dân	54	4,2
Điều dưỡng	52	4,0
Công nhân	51	4,0
Bác sĩ	35	2,7
Thợ may	24	1,9
Kế toán	19	1,5
Hưu trí	9	0,7
Khác	481	37,4

Trong toàn bộ sinh viên (SV) tham gia khảo sát đầu vào năm 2022, giới tính là nữ chiếm tỷ lệ cao hơn (56,6%) và có 53,9% có hộ khẩu tại thành phố Hồ Chí Minh. Về ngành

học chiếm hơn một nửa là đối tượng Y đa khoa (53%). Đa số sinh viên thuộc dân tộc Kinh (91,5%), ngoài ra sinh viên còn thuộc một vài dân tộc khác như dân tộc Hoa (5%), dân tộc Khơ-me (0,8%), dân tộc Chăm (0,5%). Về nghề nghiệp của cha, chiếm tỷ lệ cao nhất là công nhân viên chức và buôn bán (đều chiếm 13,2%) và kế đến là công nhân (11,7%). Về nghề nghiệp của mẹ, nội trợ chiếm tỷ lệ cao nhất (16,3%), tiếp theo là buôn bán (13,2%) và giáo viên (9,3%).

Từ kết quả trên cho thấy, có 46,1% SV có hộ khẩu ở tỉnh, đây là số liệu cần thiết nhằm giúp Nhà trường có thể đưa ra các biện pháp nhằm hỗ trợ, giúp đỡ các bạn SV trong việc tìm kiếm chỗ ở, để các bạn ổn định và có thể tập trung vào việc học tập. Ngoài ra, có 8,5% sinh viên thuộc dân tộc khác, đây là những SV cần nhận được sự quan tâm từ Nhà trường, như việc áp dụng chính sách hỗ trợ, miễn giảm học phí dành cho các SV dân tộc thiểu số và các hỗ trợ khác trong học tập.

1.2. THÔNG TIN CHUNG

Đặc tính	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Lý do chọn Trường PNT		
Yêu thích của bản thân	1025	79,8
Tư vấn GD	165	12,8
Tư vấn thầy cô	45	3,5
Tư vấn bạn bè	20	1,6
Không có lựa chọn khác	16	1,2
Khác	14	1,1
Lý do chọn Ngành		
Yêu thích của bản thân	922	71,8
Tư vấn GD	181	14,1
Có ba/mẹ người thân trong ngành	103	8,0
Tư vấn thầy cô	26	2,0
Tư vấn bạn bè	24	1,9
Khác	29	2,3
Là ngành học trúng tuyển theo nguyện vọng yêu thích nhất		
Có	1117	86,9
Không	168	13,1
Hiện tại đang sống chung với		
Ba mẹ	1023	79,6
Anh/chị/em	625	48,6
Họ hàng/bà con	131	10,2
Bạn bè	110	8,6
Vợ/chồng	2	0,2
Người yêu	3	0,2
Khác	33	2,6
Nơi sinh sống hiện tại		
Nhà riêng	704	54,8
Nhà trọ	398	31,0
KTX	53	4,1
Khác	130	10,1
Trình độ ngoại ngữ		
Chưa có CC	939	73,1
IELTS	155	12,1
Cử nhân NN	3	0,2
TOEFL	3	0,2
DELFDALF	2	0,2

TOEIC	1	0,1
Khác	182	14,2
<i>Trình độ tin học</i>		
Chưa có CC	1120	87,2
CC UD CNTT cơ bản	120	9,3
CC UD CNTT nâng cao	6	0,5
Khác	39	3,0
<i>Thiết bị công nghệ đang sử dụng</i>		
ĐT thông minh	1228	95,6
Máy tính xách tay	892	69,4
Máy tính bảng	180	14,0
Máy tính để bàn	158	12,3
ĐT bình thường	89	6,9
Khác	2	0,2
<i>Thiết bị di động kết nối Internet</i>		
Thường xuyên kết nối qua sóng Wifi	797	62,0
24/7 thông qua kết nối 3G	301	23,4
Chỉ kết nối khi ở nhà	179	13,9
Ít khi kết nối Internet	8	0,6
<i>Sử dụng mạng xã hội</i>		
Có	1276	99,3
Không	9	0,7
<i>Tham gia mạng xã hội</i>		
Facebook	1271	98,9
Zalo	1198	93,2
Instagram	882	68,6
Twitter	178	13,9
Viber	48	3,7
Khác	12	0,9
<i>Thói quen đọc sách</i>		
Có	1122	87,3
Không	163	12,7
<i>Loại sách hay đọc</i>		
Truyện tranh	672	52,3
Tiểu thuyết	579	45,1
Khoa học	564	43,9
Trình thám	462	36,0
Triết lý	197	15,3
Ngoại văn	132	10,3
Kiểm hiệp	75	5,8
Khác	46	3,6
<i>Trải qua khóa học online</i>		
Có	1100	85,6

Không	185	14,4
<i>Đã từng học trường khác trước khi vào trường</i>		
Có	110	8,6
Không	1175	91,4
<i>Nhà trường cần làm để hỗ trợ các bạn tân SV</i>		
Tạo các hoạt động giao lưu	210	16,3
Lắng nghe sinh viên	175	13,6
Học bổng cho SV	159	12,4
Hỗ trợ học phí	137	10,7
Hướng dẫn về các nội quy, quy định của Nhà trường	110	8,6
Xây dựng lịch học hợp lý	109	8,5
Có thêm kí túc xá	34	2,6
Khác	351	27,3

Đa số các bạn sinh viên chọn học ở trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch là do yêu thích của chính bản thân (79,8%), chiếm tỷ lệ thấp nhất là do không có lựa chọn khác (1,2%). Phần lớn các bạn chọn lựa ngành học là do sự yêu thích của bản thân (71,8%), tiếp đến là do sự tư vấn của gia đình (14,1%). Đa số SV cho rằng ngành trúng tuyển là theo nguyện vọng yêu thích nhất (86,9%). Hầu hết các bạn sinh viên đang sống chung với ba mẹ (79,6%) và kế đến là hiện đang sống với anh/chị/em (48,6%). Về nơi sống hiện tại, chiếm tỷ lệ cao nhất là các bạn sống ở nhà riêng (54,8%) và thấp nhất là sống ở Kí túc xá (4,1%). Đa số các bạn sinh viên chưa có chứng chỉ ngoại ngữ (73,1%). Ngoài ra, về trình độ ngoại ngữ hiện tại của các bạn sinh viên là IELTS (12,1%), Cử nhân ngôn ngữ anh (0,3%). Về trình độ tin học, đa số các bạn chưa có chứng chỉ (87,2%), ngoài ra các bạn hiện đang có chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (9,3%). Hầu hết các bạn sinh viên đang sử dụng điện thoại thông minh (95,6%). Đa phần các bạn có sử dụng mạng xã hội, và loại mạng xã hội các bạn tham gia phổ biến nhất là Facebook (98,9%), Zalo (93,2%) và Instagram (68,6%). Đa số các bạn cho biết là có thói quen đọc sách (87,3%) và các loại sách hay đọc nhất là truyện tranh (52,3%) và tiểu thuyết (45,1%). Đa số các bạn SV đã trải qua khóa học online (85,6%) và chưa từng học trường khác trước khi vào trường (91,4%). Ý kiến của SV về những việc làm hỗ trợ của Nhà trường, chiếm tỷ lệ cao nhất (16,3%), các

bạn SV cho rằng Nhà trường nên tạo các hoạt động giao lưu, kể đến là lắng nghe sinh viên (13,6%).

Từ những số liệu thống kê trên cho thấy, có đến 73,1% các bạn SV chưa có chứng chỉ ngoại ngữ, và chiếm một tỷ lệ rất thấp các bạn SV có chứng chỉ như TOEFL (0,2%), DELF/DALF (0,2%), TOEIC (0,1%), điều này cho thấy nhà trường cần khuyến khích các bạn SV trong việc bổ sung và nâng cao trình độ ngoại ngữ, bên cạnh đó là việc mở rộng, xây dựng thêm nhiều chương trình học tiếng anh, mở các Câu lạc bộ tiếng anh để các bạn SV có thể rèn luyện và nâng cao vốn ngoại ngữ của mình. Tương tự như vậy, tỷ lệ các bạn sinh viên chưa có chứng chỉ tin học khá cao (chiếm 87,2%). Vì vậy, việc tăng cường 2 kỹ năng cơ bản là ngoại ngữ và tin học cho các bạn SV là vấn đề cần được quan tâm từ phía Nhà trường.

1.3. TRẮC NGHIỆM THÓI QUEN HỌC TẬP

Đặc tính	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
VARK		
Visual (Thị giác)	192	14,9
Aural (Thính giác)	301	23,4
Read/Write (Đọc/viết)	145	11,3
Kinesthetic (Trải nghiệm)	647	50,4

Trắc nghiệm thói quen học tập của sinh viên được đánh giá bằng cách cho các bạn trả lời 16 câu hỏi trong bảng câu hỏi VARK, sau đó tùy theo việc lựa chọn một trong 4 đáp án: a,b,c,d của các bạn mà tương ứng với từng loại K, V, R, A cho từng câu (theo bảng phân loại VARK có sẵn). Kết quả cho thấy: Hơn một nửa sinh viên có thói quen học tập với phương pháp học thông qua vận động (Kinesthetic) (50,4%); kế đến là phương pháp học tập bằng cách nghe giảng (thính giác) (23,4%) và phương pháp học tập nhìn bằng mắt (thị giác) (14,9%); chiếm tỷ lệ thấp nhất là phương pháp học tập đọc/viết (11,3%).

Từ kết quả trên, hơn một nửa SV có phương pháp học tập thông qua trải nghiệm, điều này cho thấy Nhà trường nên tăng cường cho SV thực tập kết hợp với giảng dạy lý thuyết để tối ưu hóa việc học tập cho SV. Ngoài ra, với một tỷ lệ SV có phương pháp học

tập bằng nghe, nhìn, điều này cho thấy, giảng viên cần chú trọng không chỉ nội dung giảng dạy mà phải kết hợp với việc trình bày bài giảng một cách sinh động, dễ hiểu, nhiều hình ảnh trực quan là cách giúp cho SV phát huy hết khả năng theo thói quen học tập của mình.

1.4. TRẮC NGHIỆM KHẢ NĂNG TỰ HỌC

Đặc tính	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
<i>Sắp xếp thời gian hợp lý</i>		
Có	1164	90,6
Không	121	9,4
<i>Ghi chú, tóm tắt bài học</i>		
Có	1005	78,2
Không	280	21,8
<i>Đọc và chuẩn bị bài trước</i>		
Có	964	75,0
Không	321	25,0
<i>Lên kế hoạch ôn tập</i>		
Có	1018	79,2
Không	267	20,8
<i>Cập nhật kiến thức mới</i>		
Có	980	76,3
Không	305	23,7
<i>Làm việc theo nhóm</i>		
Có	1073	83,5
Không	112	16,5
<i>Được hướng dẫn kỹ năng tự học</i>		
Có	800	62,3
Không	485	37,7
<i>Sử dụng công cụ hỗ trợ quá trình tự học*</i>		
Tóm tắt lại bài giảng theo ý cá nhân (Takenote)	1015	79,0
Xem lại các video ghi hình bài giảng	957	74,5
Dựa vào các tóm tắt bài giảng của bạn bè/thầy cô (Handout)	783	60,9
Sơ đồ tư duy (Mindmap)	683	53,2
Nghe lại các file ghi âm bài giảng	510	39,7
Khác	36	2,8

*Tỷ lệ lớn hơn 100% vì mỗi SV được chọn nhiều đáp án

Đa số các bạn SV biết cách sắp xếp thời gian hợp lý cho học tập và các hoạt động khác (90,6%). Phần lớn SV có ghi chú, tóm tắt bài học (78,2%); có đọc và chuẩn bị bài trước khi đến lớp (75%). Chiếm đa số các bạn SV có lên kế hoạch ôn tập bài (79,2%); và có cập nhật kiến thức mới (76,3%). Chủ yếu các bạn SV cho biết đã từng làm việc và cảm thấy hài lòng với làm việc theo nhóm (83,5%); Về khả năng tự học, chiếm phần lớn (62,3%) SV đã được hướng dẫn tự học, tuy nhiên vẫn có đến 37,7% SV chưa được hướng dẫn kỹ năng tự học. Về việc sử dụng công cụ hỗ trợ quá trình tự học, chiếm tỷ lệ cao nhất là Tóm tắt lại bài giảng theo ý cá nhân (Takenote) (79%), kế đến là Xem lại các video ghi hình bài giảng (74,5%) và Dựa vào các tóm tắt bài giảng của bạn bè/thầy cô (Handout) (60,9%).

Từ kết quả trên có thể nhận thấy, SV chủ yếu có khả năng tự học và biết cách để ôn tập bài. Đối với nhóm SV này, Nhà trường cần khuyến khích và tạo điều kiện để các bạn SV có thể phát huy khả năng tự học vốn có của mình. Tuy nhiên, gần $\frac{1}{4}$ SV lại chưa được hướng dẫn kỹ năng tự học, chưa đọc bài trước khi đến lớp, chưa cập nhật kiến thức, chưa có kế hoạch ôn bài, đối với nhóm SV này, Nhà trường cần quan tâm và có cách hỗ trợ sinh viên phù hợp và xem đây là một hoạt động thường xuyên.

1.5. TRẮC NGHIỆM ĐÁNH GIÁ LO ÂU

Đặc tính	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Trầm cảm		
Bình thường	340	26,5
Nhẹ	243	18,9
Vừa	442	34,4
Nặng	198	15,4
Rất nặng	62	4,8
Lo âu		
Bình thường	219	17,0
Nhẹ	135	10,5
Vừa	308	24,0
Nặng	294	22,9
Rất nặng	329	25,6
Stress		
Bình thường	663	51,6
Nhẹ	257	20,0
Vừa	261	20,3
Nặng	69	5,4
Rất nặng	35	2,7

Kết quả cho thấy: Về vấn đề trầm cảm, chủ yếu các bạn gặp phải mức độ trầm cảm vừa (34,4%), và có đến 4,8% các bạn sinh viên gặp phải tình trạng trầm cảm với mức độ rất nặng. Về lo âu, chiếm tỷ lệ cao nhất với mức độ rất nặng (25,6%) và nặng (22,9%). Về stress, hơn một nửa các bạn sinh viên với mức độ bình thường (51,6%) và mức độ rất nặng (2,7%).

Qua khảo sát đối tượng là sinh viên đầu vào năm 2022, trong bộ câu hỏi khảo sát có sử dụng **thang đo Lo âu – Trầm cảm – Stress (DASS 21) – bao gồm 21 câu hỏi với 4 lựa chọn (0: Không đúng với tôi chút nào cả; 1: Đúng với tôi phần nào, hoặc thỉnh thoảng mới đúng; 2: Đúng với tôi phần nhiều, hoặc phần lớn thời gian là đúng; 3: Hoàn toàn đúng với tôi, hoặc hầu hết thời gian là đúng)** với mục đích nhằm xác định tỷ lệ lo âu, trầm cảm và stress được phân thành các mức độ khác nhau ở các bạn sinh viên.

Tuy nhiên, kết quả của cuộc đánh giá này chủ yếu dựa trên sự đánh giá chủ quan từ chính các bạn sinh viên, nên kết quả chỉ nhằm gợi ý cho việc theo dõi về các vấn đề tâm lý của các bạn trong thời gian tới. Chính vì thế, chúng tôi có một số đề xuất như sau:

- Đối với những sinh viên có kết quả khảo sát gặp một trong ba vấn đề (Lo âu – Trầm cảm – Stress) với mức độ rất nặng, hoặc gặp phải từ 2-3 vấn đề đều ở mức độ rất nặng (hoặc nặng) sẽ được khuyến khích được tư vấn tâm lý ở phòng khám Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

- Gửi kết quả đến cho Trạm Y tế để nắm bắt tình hình tâm lý sinh viên hiện nay từ đó có hướng tiếp cận cụ thể, đồng thời có thể theo dõi sự thay đổi ở những năm kế tiếp.

1.6. TRẮC NGHIỆM KHÍ CHẤT

Đặc tính	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Khí chất		
Nóng	123	9,6
Bình thản/lạnh	214	16,7
Linh hoạt	51	4,0
Yếu (yếu, ưu tư)	686	53,4
Khác (trả lời không trung thực)	211	16,4

Đánh giá khí chất của sinh viên: Bằng cách sử dụng bộ câu hỏi gồm 57 câu, sau khi đọc kĩ câu hỏi, các bạn sinh viên thấy đúng với bản thân ghi dấu (+) trước câu đó, không đúng ghi dấu (-), Yêu cầu cho sinh viên là các câu trả lời phải trung thực, không bỏ quăng, trả lời theo cách nghĩ của mình, chú ý trả lời những ý nghĩ nảy sinh trong đầu trước tiên, Sau đó sẽ tiến hành cho điểm theo thang điểm có sẵn. Kết quả cho thấy: Đa phần các bạn sinh viên có khí chất yếu (yếu, ưu tư) (chiếm 53,4%) và rất ít các bạn SV có khí chất linh hoạt (chiếm 4,0%).

Cách diễn giải của từng loại khí chất:

1. Khí chất Nóng

- Cấu tạo thần kinh: Ức chế cao, hưng phấn cao. Nhịp độ thần kinh nhanh, nhưng không cân bằng giữa ức chế (buồn) và hưng phấn (vui), lúc quá tải, lúc quá hữu (vui quá trời mà

buồn thì thấy đất), thay đổi nhanh, thất thường.

- Biểu hiện bên ngoài: nói to, nói nhiều, nói mạnh, hành động mạnh mẽ, hay cáu gắt, hay biểu lộ cảm xúc ra ngoài, cởi mở, vô vấp, bạo dạn, chủ động, rất nhiệt tình với mọi người, tuy nhiên do hay nổi nóng nên cũng hay và dễ làm mất lòng người khác. Nhận thức mọi sự việc rất nhanh. Về vấn đề tình cảm thì yêu ghét rõ ràng, thường sống thiên về tình cảm, hay để tình cảm lấn át lí trí. Khả năng thích nghi với môi trường cao.

- Ưu điểm là nhiệt tình, thẳng thắn bộc trực, quyết đoán, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm. Thường là những người đi đầu trong hoạt động chung. Đặc biệt có khả năng lôi cuốn người khác. Tuy nhiên lại hay vội vàng hấp tấp, nóng nảy, khó kìm-không có khả năng tự kìm chế, lại bảo thủ, hiếu thắng, không kiên trì; khi rơi vào hoàn cảnh khó khăn sẽ thường không tự chủ được bản thân, nhưng lại là người không dễ bụng, thù dai. Phù hợp với những công việc chứa nhiều mâu thuẫn và mới mẻ.

2. Khí chất lạnh/bình thản

- Hưng phấn, ức chế ở mức độ bình thường. Phản ứng, nhịp độ thần kinh rất chậm, không linh hoạt.

- Kiểu người ít nói, nói chắc. Hành vi chậm chạp, không bộc lộ cảm xúc ra bên ngoài, hơi khô khan. Là người khó gần, khó làm quen, cũng khó biết tâm trạng của họ. Mọi quan hệ của họ rất hẹp vì họ không thích quan hệ rộng. Nhờ thế, khó thích nghi với môi trường sống.

- Ưu điểm của họ là chắc chắn, cẩn thận, điềm đạm, làm việc có kế hoạch, biết cân nhắc trước khi hành động, làm chủ được tình huống và vô cùng kiên định. Nhờ vậy, khả năng tiếp thu cái mới lại rất chậm, khá nguyên tắc, cứng nhắc, đôi khi máy móc làm dễ mất thời cơ không cần thiết.

- Hiệu quả công việc của loại người này phụ thuộc vào thời gian gắn bó với công việc đó

- càng lâu càng hiệu quả. Phù hợp với công việc đơn điệu, có thể đòi hỏi bảo mật kín đáo.

3. Khí chất Linh hoạt

- Phản ứng, nhịp độ thần kinh mạnh, mềm dẻo, tính cân bằng giữa ức chế và hưng phấn cao.

- Đặc biệt nói nhiều, nhanh. Hoạt động cũng nhanh nhẹn, hoạt bát. Quan hệ thì vui vẻ dễ

gần, có tài ngoại giao nên quan hệ rất rộng nhưng không sâu sắc.

- Tư duy, nhận thức nhanh, lắt léo kiến, nhiều mưu mẹo, hay vội vàng hấp tấp. Có khả năng thích nghi với mọi môi trường hoàn cảnh, tư tưởng rất dễ thay đổi. Đây là loại người rất linh hoạt trong cuộc sống.

- Về tình cảm thì là người dễ phát sinh tình cảm nhưng đa phần không bền lâu, dễ thay đổi.

- Họ rất lạc quan yêu đời, nhanh nhẹn, có tài ngoại giao, nhiều sáng kiến, có khả năng tổ chức. Nhưng nhược điểm lại là vội vàng hấp tấp, lập trường không vững vàng, rất hay chủ quan. Làm việc nhanh nhưng chất lượng không cao (nhanh mà ẩu), phù hợp với công việc phải thay đổi ấn tượng thường xuyên, hiệu quả công việc lại phụ thuộc vào hứng thú đối với công việc đó. Càng phải làm nhiều việc một lúc càng tốt.

4. Khí chất Yếu (yếu, ưu tư)

- Hưng phấn lẫn ức chế đều thấp, nhưng ức chế vẫn trội hơn (buồn nhiều hơn vui, thường xuyên chẳng vui chẳng buồn).

- Là loại người có hệ thần kinh nhạy cảm, nhịp độ phản ứng thần kinh chậm, ít nói, tiếng nói thì nhẹ nhàng, yếu ớt. Hành động thiếu tính bạo dạn, rất rụt rè, nhút nhát. Nhận thức chậm, chắc, có năng khiếu riêng. Không thích đám đông, không thích ồn ào. Thiên về sống nội tâm, không thích quan hệ rộng. Rất chu đáo, ít làm mất lòng người khác.

- Về vấn đề tính cảm: kín đáo, sâu sắc, chung thủy và không chịu được cú sốc về tâm lý. Rất khó thích nghi với môi trường hoàn cảnh sống, sợ sự thay đổi.

- Ưu điểm của loại người này là có tính tự giác cao, kiên trì trong công việc, làm việc rất cẩn thận, chu đáo, ít làm mất lòng người khác. Ngược lại, hay lo nghĩ, dễ bị tổn thương, hay chịu tác động của môi trường, không chịu được sức ép công việc. Công việc thích hợp là việc nghiên cứu.

NGƯỜI BÁO CÁO

(Đã ký)

Hoàng Thị Diễm Phương

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

(Đã ký)

Phùng Đức Nhật

